

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

C. Thảo

①

H: 01

Đ: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 24/27

Số bài thi: 24/27

Số tờ giấy thi: 24/27

Số SV có mặt: 22

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Nguyễn
Khoa
Khoa
Vũ

Trần
Huỳnh
Nguyễn

Đặng
Thị
Thảo

Trần
Thị
Thảo

Trần
Thị
Thảo

Ng. T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170077	Phạm Quốc	Bảo	07/05/2005	CCQ2317C	2160	Phạm	6,9	Phạm	8,1	7,5	7,4	7,5	
2	2123120296	Phan Quý	Bảo	28/09/2004	CCQ2312F	2161	Phan	4,6	Phan	5,9	5,3	8,1	6,4	
3	2123110487	Phùng Đàm Duy	Bảo	31/03/2005	CCQ2311C	2162	Phùng	8,4	Phùng	8,3	8,4	5,6	7,3	
4	2123110019	Trần Thị Minh	Chi	13/05/2004	CCQ2311A	2163	Trần	5,4	Trần	8,1	6,8	5,8	6,4	Nợ học phí
5	2123120430	Nguyễn Thanh	Công	02/04/2005	CCQ2312H						0,00	3,4	1,4	
6	2122270102	Vũ Bà	Đạt	22/05/2003	CCQ2227D						0,00	0	0,0	
7	2123120163	Trần Hữu	Đức	28/06/2005	CCQ2312C						0,00	0	0,0	
8	2123170540	Phạm Đăng	Dương	17/10/2005	CCQ2317G	2163	Phạm	5,4	Phạm	5,0	5,2	7,3	6,0	Nợ học phí
9	2123180027	Lê Văn	Hà	17/07/2005	CCQ2318A	2160	Lê	6,2	Lê	8,3	7,3	8,6	7,8	
10	2122060048	Nguyễn Minh	Hải	05/05/2004	CCQ2206B	2161	Nguyễn	5,5	Nguyễn	4,5	5,0	7,1	5,8	Nợ học phí
11	2123110179	Trần Ngọc	Hải	28/03/2005	CCQ2311E	2162	Trần	7,5	Trần	8,4	8,0	8,4	8,2	
12	2123210057	Tô Thị Thanh	Hân	16/03/2005	CCQ2321B	2162	Tô	6,3	Tô	7,9	7,1	7,7	7,3	Nợ học phí
13	2123030249	Nguyễn Thế	Hậu	20/04/2005	CCQ2303G	2163	Nguyễn	5,3	Nguyễn	6,7	6,0	6,5	6,2	
14	2123170488	Thái Thanh	Hoài	07/08/2005	CCQ2317D	2160	Thái	5,9	Thái	8,0	7,0	7,7	7,3	
15	2123030132	Lê	Hoàng	03/11/2005	CCQ2303D	2161	Lê	5,6	Lê	7,9	6,8	8,3	7,4	
16	2123170191	Nguyễn Hải	Hưng	25/02/2004	CCQ2317F	2162	Nguyễn	5,2	Nguyễn	5,9	5,6	6,2	5,8	
17	2123170199	Nguyễn Văn	Hưng	06/06/2005	CCQ2317F	2163	Nguyễn	6,0	Nguyễn	7,7	6,9	7,1	7,0	
18	2123220039	Phạm Văn	Huy	09/09/2005	CCQ2322B	2160	Phạm	4,5	Phạm	6,4	5,5	8,2	6,6	
19	2123030087	Trần Quốc	Huy	21/09/2005	CCQ2303C	2162	Trần	4,5	Trần	5,5	5,0	5,3	5,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

C. Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 24/27

Số bài thi: 24/27

Số tờ giấy thi: 24/27

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: -

Số tờ giấy thi: -

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Văn Vũ

Cán bộ coi thi 2

Đào Hương Nguyễn

G Viên chấm thi 1

Môn Viết
Nguyễn Văn Tuấn

G Viên chấm thi 2

Môn Viết
Trần Thị Thu

G Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
Trần Thị Thu

G Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
Nguyễn T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		↓ Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B	2161	Am	6,9	Am	8,2	7,6	6,6	7,2	
21	2123170222	Phạm Minh	Khôi	11/04/2005	CCQ2317G	2160	Am	4,4	Am	7,5	6,0	7,1	6,4	
22	2123050078	Bùi Đình	Luật	29/10/2002	CCQ2305B	2161	Am	7,0	Am	8,2	7,6	9	8,2	
23	2123210031	Trần Công	Minh	21/12/2005	CCQ2321A	2161	Am	4,6	Am	5,8	5,2	6,3	5,6	Nợ học phí
24	2123170289	Phạm Thanh	Nam	16/07/2005	CCQ2317I	2162	Am	3,5	Am	7,8	5,7	7,2	6,3	
25	2123170538	Vũ Quang	Nam	24/12/2005	CCQ2317G	2163	Am	6,7	Am	8,2	7,5	9,3	8,2	

BẢN GHI KẾT QUẢ HỌC PHẦN
HỌC KỲ I (2024-2025)

MÔN: ANH VĂN 1
LỚP: CDLT CƠ KHÍ; Ô TÔ K 48 (K2024)
CB GD: TRẦN THỊ THẢO

Ngày thi 25/8/2026
Phòng thi: B32

CBCT 1:

CBCT 2:

Stt	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm QT	Điểm Thi	Điểm học phần		Ký tên
								Số	Chữ	
1	2224030004	Ngô Phước	Triều	Nam	17/05/1996	9,4	8,7	9,0	chín khq	
2	2224170007	Nguyễn Minh	Lượng	Nam	17/09/2006	4,5	7,5	6,3	sáu ba	

Tổng cộng : 02 SV

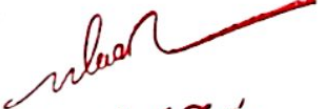
GV chấm 1

Ký và ghi rõ họ tên

Mã VH :


Trần Thị Thảo

GV chấm thi 1


Đặng Minh Tuấn

1. Ngô Phước Triều : | viết : 8,8 
VĐ : 8,6

2. Nguyễn Minh Lượng : | viết : 8,5 
VĐ : 6,4 

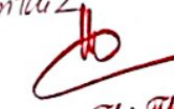
GV chấm 2

Ký và ghi rõ họ tên

Mã VH :


Nguyễn Thị Phương Linh

GV chấm thi 2


Trần Thị Thảo

 Ngô Phước Triều

 Nguyễn Minh Lượng

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

H: 05

Đ: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm H.P	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123180130	Phạm Bá	Ngà	09/11/2005	CCQ2318C	2162	Ngà	3,3	Ngà	6,8	5,1	5,9	5,4	Nợ học phi
2	2123030041	Văn Thế	Nghi	05/06/2004	CCQ2303B	2163	Văn Thế	5,2	Văn Thế	6,5	5,9	5,9	5,9	
3	2123110146	Nguyễn Nghĩa	Nhân	30/09/2005	CCQ2311E	2160	Nguyễn Nghĩa	8,8	Nguyễn Nghĩa	8,1	8,5	8,8	8,6	
4	2123170300	Trần Duy	Như	30/05/2005	CCQ2317I	2161	Trần Duy	5,2	Trần Duy	7,5	6,4	7,3	6,8	
5	2122060045	Bùi Anh	Quang	05/05/2003	CCQ2206B	2162	Bùi Anh	4,9	Bùi Anh	4,5	4,7	6,7	5,5	
6	2123030259	Nông Ngọc	Quang	06/03/2005	CCQ2303G	2163	Nông Ngọc	4,7	Nông Ngọc	3,5	4,1	7,8	5,6	
7	2123130063	Lê Nguyễn Nhật	Quyển	22/11/2005	CCQ2313B	2160	Lê Nguyễn Nhật	7,1	Lê Nguyễn Nhật	7,6	7,4	8	7,6	
8	2123100259	Đinh Thị	Sáo	11/03/2004	CCQ2310H	2161	Đinh Thị	5,5	Đinh Thị	5,6	5,6	5,6	5,6	
9	2123170148	Võ Phi	Son	13/08/2005	CCQ2317E	2162	Võ Phi	7,0	Võ Phi	8,2	7,6	8,4	7,9	
10	2123030033	Phan Nguyễn Quan	Tám	29/12/2004	CCQ2303A	2163	Phan Nguyễn Quan	4,2	Phan Nguyễn Quan	7,8	6,0	6,0	6,0	Nợ học phi
11	2123140013	Vũ Hà	Tây	23/11/2005	CCQ2314A	2160	Vũ Hà	6,3	Vũ Hà	7,8	7,1	8,5	7,7	
12	2123170466	Nguyễn Bá	Thành	13/12/2005	CCQ2317C	2161	Nguyễn Bá	5,7	Nguyễn Bá	6,1	5,9	6,5	6,1	
13	2123110407	Phan Trung	Thành	11/11/2005	CCQ2311K	2162	Phan Trung	4,6	Phan Trung	4,7	4,7	5,0	4,8	Nợ học phi
14	2123040019	Võ Trường	Thành	03/06/2005	CCQ2304A	2163	Võ Trường	4,0	Võ Trường	3,0	3,5	5,1	4,1	
15	2123100116	Trương Thị Mỹ	Thảo	03/12/2005	CCQ2310D	2160	Trương Thị Mỹ	7,0	Trương Thị Mỹ	8,4	7,7	8,2	7,9	
16	2123170279	Nguyễn Tấn	Thọ	01/10/2005	CCQ2317H	2162	Nguyễn Tấn	6,4	Nguyễn Tấn	5,9	6,2	5,5	5,9	
17	2123030228	Nguyễn Trường	Thọ	30/01/2005	CCQ2303F	2161	Nguyễn Trường	4,2	Nguyễn Trường	5,0	4,6	4	4,4	
18	2123170145	Mai Ngọc	Tĩnh	03/02/2005	CCQ2317E	2163	Mai Ngọc	2,4	Mai Ngọc	3,6	3,0	5,9	4,2	
19	2123110343	Lương Trung	Tĩnh	28/07/2005	CCQ2322C	2160	Lương Trung	6,1	Lương Trung	5,9	6,0	7,1	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2025-2026)

②

C. Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1

G Viên chấm thi 2

G Viên chấm thi 1

G Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030090	Trần Minh	Truyền	31/07/2005	CCQ2303C	2161	Truyền	4,1	Truyền	4,1	4,3	6,7	5,3	
21	2123120671	Hồ Minh	Tuấn	20/12/2002	CCQ2312K	2162	Tuấn	9,7	Tuấn	8,3	9,0	7	8,2	
22	2123030030	Ngô Ngọc	Tuấn	11/09/2005	CCQ2303A							3,4	1,4	
23	2123170164	Lê Minh	Tương	10/07/2005	CCQ2317E									Nợ học phí
24	2123030251	Đỗ Quốc	Vin	26/08/2005	CCQ2303G	2161	Vin	6,8	Vin	7,6	7,2	8,8	7,8	
25	2123180014	Nguyễn Hoàng	Vũ	02/01/2005	CCQ2318A	2162	Vũ	4,9	Vũ	6,3	5,6	6,8	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Đ: 33
H: 3

3)
C. Hết

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 36...

Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D			2,0			
2	2122030086	Trần Phú	25/02/2004	CCQ2203C			3,0			
3	2123150100	Mao Văn	31/10/2005	CCQ2315A		ao	9,2	8,0	8,5	
4	2123110225	Lê Thị Bích	11/02/2005	CCQ2311G		Chamk	7,6	7,0	7,2	
5	2123170137	Nguyễn Kim	21/09/2005	CCQ2317D		AB	6,9	5,0	5,8	
6	2123140009	Lê Ngọc	10/08/2005	CCQ2314A		Đức	6,2	5,0	5,5	
7	2123170621	Ngư Trùng	14/10/2005	CCQ2317L		Đư	4,1	8,5	6,7	
8	2123180090	Nguyễn Văn	03/03/2005	CCQ2318C		Đường	9,8	8,5	9,0	
9	2123170491	Nguyễn Trường	25/06/2005	CCQ2317D		Đư	8,6	5,4	6,7	
10	2123170411	Nguyễn Sỹ	06/01/2005	CCQ2317L		Quý	8,8	6,0	7,1	
11	2123270169	Lương Khắc	10/10/2004	CCQ2327E			0,0			
12	2123180005	Đoàn Công	02/08/2005	CCQ2318A			2,0			
13	2123170128	Phạm Xuân	25/08/2005	CCQ2317D		huu	7,3	5,8	6,4	
14	2123170120	Dương Minh	19/11/2005	CCQ2317D		Đư	7,1	6,5	6,7	
15	2123030089	Trần Mai	15/12/2005	CCQ2303C		Khái	5,0	5,0	5,0	
16	2120200248	Đặng Liêu Tuấn	04/03/2002	CCQ2020H		Đư	9,7	8,5	9,0	
17	2123110270	Phạm Thành	17/02/2005	CCQ2311A						HP
18	2123170126	Thân Trọng	08/03/2004	CCQ2317D			1,0			
19	2123180080	Nguyễn Phước	13/03/2005	CCQ2318C		Đư	7,3	6,5	6,8	
20	2123170121	Võ Châu	18/06/2005	CCQ2317D		Đư	7,1	4,8	5,7	
21	2123170184	Ngô Quang	03/01/2005	CCQ2317F		Đư	7,6	4,0	5,4	
22	2123030121	Dương Thanh	26/01/2005	CCQ2303D			0,0			
23	2123140001	Nguyễn Thiên	26/04/1999	CCQ2314A		Đư	9,8	9,3	9,5	HP
24	2122100199	Nguyễn Thực Văn	09/11/2004	CCQ2210F						HP
25	2123170110	Phạm Viết	20/12/2003	CCQ2317D		Đư	6,8	3,8	5,0	
26	2123030005	Trần Khải	07/04/2005	CCQ2303A			0,0			
27	2123050138	Phạm Nguyễn Công	30/01/2005	CCQ2305C		Luân	5,6	7,5	6,7	
28	2123170197	Ngô Đăng	26/11/2005	CCQ2317F		Đư	8,0	9,0	9,0	HP ✓

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

C.Hệ

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 56

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Nghề	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050053	Đinh Quang	Nghề	23/08/2005	CCQ2305B			0,0			
30	2123170170	Hồ Tấn	Nhân	19/08/2005	CCQ2317E			5,5	5,1	5,3	
31	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng	Nhật	17/04/2005	CCQ2305C			0,0			
32	2123060086	Hồ Văn	Nhuận	01/10/2005	CCQ2306A		nhu	7,1	2,5	4,3	HL
33	2123170610	Nguyễn Hữu	Nhật	02/07/2005	CCQ2317L		ck	6,9	3,4	4,8	HL
34	2123060002	Hồ Hoàng	Phúc	12/03/2005	CCQ2306A			0,0			
35	2122170138	Phan Thành	Phước	12/12/2004	CCQ2217D						HP
36	2122150037	Đỗ Thế	Quân	01/01/2004	CCQ2215B		ce	5,1	1,3	2,8	HL
37	2123170468	Thái Nguyễn Anh	Quân	02/04/2005	CCQ2317D			0,0			
38	2123050101	Nguyễn Anh	Quang	25/05/2005	CCQ2305C		ckh	5,5	5,4	5,4	
39	2123170631	Phan Trần	Sang	24/01/2005	CCQ2317J		ck	9,1	7,2	8,0	HP ✓
40	2123170614	Nguyễn Trường	Tạo	10/02/2005	CCQ2317L		Táo	7,3	7,8	7,6	
41	2123120194	Phan Tấn	Thành	02/08/2004	CCQ2312D		ck	7,7	6,3	6,9	
42	2123200488	Lê Quốc	Thịnh	01/02/2005	CCQ2320F		ck	8,9	7,0	7,7	
43	2123260195	Trần Thuý	Tiên	25/10/2005	CCQ2326E		ck	9,8	9,0	9,3	
44	2123170178	Trần Tấn	Tín	03/09/2005	CCQ2317F		ck	8,8	7,1	7,8	
45	2123120119	Phan Hữu	Tinh	25/10/2004	CCQ2312C		ck	6,5	2,0	3,8	HP
46	2123170175	Nguyễn Thanh	Toàn	01/05/2005	CCQ2317E						HP
47	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A		ck	6,7	7,0	6,9	
48	2123030179	Nguyễn Nhật	Trường	23/05/2005	CCQ2303E		ck	8,6	9,2	9,0	
49	2122170511	Lê Văn	Tuấn	09/03/2004	CCQ2217M						HP
50	2123170350	Thái Anh	Tùng	13/10/2005	CCQ2317J			0,0			
51	2123180092	Phạm Trung	VT	09/04/2004	CCQ2318C		ck	8,6	7,4	8,9	
52	2123170119	Đoàn Phi	Vũ	03/01/2005	CCQ2317D		ck	8,2	6,1	6,9	
53	2123030208	Phan Quốc	Vượng	02/09/2005	CCQ2303D		ck	6,7	4,0	5,2	
54	2123110079	Tạ Thanh	Xuân	23/07/2005	CCQ2311C			1,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

P. 24
H. 00

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch (22431101)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124240139	Đinh Thị Kim	Anh	29/07/2006	CCQ2424A	02	8,3	3,9	5,7	
2	2122240163	Trần Bùi Việt	Anh	23/01/2004	CCQ2224E	02	8,3	4,0	5,7	
3	2124240012	Trình Thị Huỳnh	Anh	12/10/2006	CCQ2424A	02	8,9	3,7	5,8	
4	2124240073	Trần Thị	Diệu	07/01/2006	CCQ2424C	02	8,1	5,6	6,6	
5	2125240035	Trương Mỹ	Dung	07/12/1995	CCQ2524A	02	10,0	9,1	9,5	
6	2124240129	Lê Thị Mỹ	Duyên	04/03/2006	CCQ2424A	02	8,9	6,8	7,6	
7	2123240048	Mai Trịnh Mỹ	Hằng	30/04/2005	CCQ2324B	02	7,6	7,8	7,7	
8	2123240098	Lê Thị Mỹ	Hào	05/01/2005	CCQ2324D	02	7,8	5,6	6,5	
9	2124240032	Ngô Thị Thanh	Hương	12/02/2006	CCQ2424A	02	9,7	5,7	7,3	
10	2124240126	Đặng Nhật	Linh	16/01/2006	CCQ2424A	02	8,9	4,5	6,3	
11	2123240099	Trương Thu	Ngân	24/06/2005	CCQ2324D	02	7,2	3,6	5,0	
12	2124240145	Lưu Trần Bảo	Ngọc	21/05/2006	CCQ2424A	02	10,0	8,3	9,0	
13	2124240113	Nguyễn Triệu Khánh	Ngọc	01/01/2006	CCQ2424B	02	7,9	7,5	7,7	
14	2124240017	Đoàn Thị Thu	Nhi	09/05/2005	CCQ2424A	02	7,4	5,1	6,0	
15	2124240028	Nguyễn Quỳnh	Như	15/06/2006	CCQ2424A	02	8,2	8,2	8,2	
16	2123240187	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/11/2005	CCQ2324F	02	8,1	4,0	5,6	
17	2123240105	Lê Đình Thái	Tài	13/07/2003	CCQ2324D	02	7,7	8,1	7,9	
18	2124240127	Huỳnh Thị Mỹ	Tâm	10/12/2006	CCQ2424A	02	9,6	6,8	7,9	
19	2123240050	Võ Ngọc Anh	Thi	13/11/2005	CCQ2324B	02	7,7	6,9	7,2	
20	2122120525	Đặng Huỳnh Thị Diễm	Thúy	31/01/2004	CCQ2224F	02	8,9	5,9	7,1	
21	2123240051	Nguyễn Thị Chung	Thúy	10/10/2005	CCQ2324B	02	7,6	3,8	5,3	
22	2123240074	Nguyễn Quỳnh Lan	Trâm	25/02/2005	CCQ2324C	03	7,3	3,5	5,0	
23	2123240088	Trần Nguyễn Kiều	Trình	25/06/2005	CCQ2324C	02	8,5	4,5	6,1	HP
24	2123240028	Trương Thị Hà	Vy	14/10/2005	CCQ2324A	02	8,8	6,2	7,2	HP

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

T. Mạnh

Đ: 21
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2125030158	Nguyễn Hoàng	Ấn	27/04/2007	CCQ2503D						0		
2	2124210155	Nguyễn Thị Lam	Anh	22/01/2006	CCQ2421A	136	5,4	6,8	6,1	9,3	7,4		
3	2124150037	Nguyễn Sơn	Ca	12/08/2006	CCQ2415B	359	7,2	6,0	6,6	5,2	6,0		
4	2124110159	Trần Minh	Chiến	17/11/2005	CCQ2411E	208	7,0	5,0	6,0	9,1	7,2		
5	2124170004	Diệp Thanh	Đại	23/09/2003	CCQ2417A	176	6,6	6,0	6,3	8,9	7,3		
6	2124210122	Nguyễn Ngọc Hải	Dăng	11/09/2006	CCQ2421D	481	9,4	8,0	8,7	6,5	7,8		
7	2124030162	Đặng Lâm	Đồng	08/10/2006	CCQ2403E	136	7,7	5,0	6,4	8,6	7,3		
8	2124110162	Đào Duy	Dũng	16/07/2006	CCQ2411E	482	5,4	4,0	4,7	8,9	6,4		
9	2125120249	Lưu	Giang	04/07/2007	CCQ2512G	359	4,7	7,2	6,0	6	6,0		
10	2124170301	Trần Hồng	Hải	13/04/2005	CCQ2417G								Nợ học phí
11	2125150227	Lê Quang	Hạnh	19/03/2007	CCQ2515F	208	7,9	8,5	8,2	8,1	8,2		
12	2124060091	Nguyễn Văn	Hào	02/05/2004	CCQ2406C	136	10,0	9,0	9,5	9,5	9,5		
13	2124170253	Nguyễn Minh	Hậu	12/05/2006	CCQ2417G	482	6,3	4,0	5,2	8,4	6,5		
14	2124330020	Khổng Vũ Tiến	Hưng	27/11/2005	CCQ2433A								Nợ học phí
15	2125330005	Lưu Duy	Hưng	14/01/2007	CCQ2533A	359	7,4	6,1	6,8	8,1	7,3		
16	2124040068	Nguyễn Đức	Huy	15/01/2006	CCQ2404B	359	8,7	2,0	5,4	5,6	5,5		Nợ học phí
17	2124170034	Trần Quốc	Huy	03/03/2006	CCQ2417A	208	7,8	8,5	8,2	9,8	8,8		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2025-2026)

T. Manh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Đặng Văn Bý

Thào Lê Thị Thanh Hà

Nguyễn Thị Xuân Hồng

Phạm Văn Mạnh

U. Nguý

P. V. H.

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: *21*

Số bài thi: *21*

Số tờ giấy thi: *21*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: *21*

Số bài thi: *21*

Số tờ giấy thi: *21*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124340030	Võ Văn	Huy	16/10/2006	CCQ2434A	136	<i>[Signature]</i>	4,4	<i>[Signature]</i>	6,0	5,2	7,1	6,0	
19	2124110243	Đổng Nhật Anh	Khoa	05/01/2005	CCQ2411G	482	<i>Khoa</i>	6,0	<i>Khod.</i>	5,0	5,5	5,8	5,6	
20	2124190014	Nguyễn Minh	Khôi	05/09/2006	CCQ2419A	208	<i>Khôi</i>	8,6	<i>[Signature]</i>	4,5	6,6	6,8	6,7	
21	2125120228	Nguyễn Phạm Anh	Kiệt	12/12/2007	CCQ2512G	136	<i>Kiệt</i>	6,8	<i>[Signature]</i>	5,7	6,2	4,4	5,5	
22	2125120286	Nguyễn Thị Thanh	Lam	29/05/2007	CCQ2512H	482	<i>Lam</i>	4,9	<i>Lam</i>	6,0	5,5	8,4	6,7	
23	2124190048	Đỗ Phạm Trúc	Linh	06/05/2004	CCQ2419B	359	<i>Linh</i>	5,1	<i>Linh</i>	7,0	6,1	6,2	6,1	
24	2125110022	Quách Thanh	Linh	25/07/2007	CCQ2511A									Nợ học phí
25	2124170008	Nguyễn Phi	Long	14/10/2006	CCQ2417A	208	<i>Long</i>	7,3	<i>Long</i>	7,0	7,2	9,2	8,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

T. Mạnh

Đ: 20
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124150001	Cà Văn	Minh	01/01/2001	CCQ2415A	482		5,3		6,4	5,9	7,6	6,6	
2	2124330042	Trần Hoài	Nam	08/04/2006	CCQ2433A							0		
3	2124030166	Nguyễn Văn	Ngo	18/11/2006	CCQ2403E	359	Ngo	6,0	Ngo	5,0	5,5	8,4	6,7	
4	2125270108	Nguyễn Bảo	Ngọc	29/09/2007	CCQ2527C	208	Ngoc	9,8	Ngoc	8,2	9,0	8	8,6	
5	2125210038	Đặng Thị Hạnh	Nguyễn	07/02/2007	CCQ2521B	482	Nguyen	4,5	Nguyen	6,0	5,3	5,6	5,4	
6	2124210099	Hồ Thu	Nguyệt	21/06/2006	CCQ2421C	208		8,8		7,0	7,9	4,6	6,6	
7	2124060131	Trần Duy	Nhân	02/10/2006	CCQ2406B									Nợ học phí
8	2124040041	Nguyễn Thành	Nhật	05/03/2006	CCQ2404B	482		8,8		3,5	6,2	6,7	6,4	
9	2124120237	Lâm Tâm	Nhi	07/06/2006	CCQ2412G	482		6,3		6,5	6,4	6	6,2	
10	2124120143	Nguyễn Thị Phương	Nhi	10/07/2006	CCQ2412E	359	Phuong	8,7	Phuong	8,5	8,6	7,4	8,1	
11	2124330028	Nguyễn Thanh	Quy	05/02/2006	CCQ2433A	208	Quy	7,3	Quy	5,2	6,5	7,4	6,9	
12	2124330097	Thái Trường	Son	02/11/2006	CCQ2433B	136	Son	6,8	Son	5,4	6,1	5,8	6,0	
13	2124150034	Nguyễn Thành	Tài	23/06/2006	CCQ2415A	482	Tai	7,3	Tai	4,5	5,9	5,6	5,8	Nợ học phí
14	2124030093	Phạm Hữu	Thanh	29/10/2005	CCQ2403C	359	Thanh	9,3		3,5	6,4	7,4	6,8	
15	2124210083	Nguyễn Xuân	Thành	02/05/2006	CCQ2421C									Nợ học phí
16	2125060001	Phan Hùng	Thuận	30/08/2007	CCQ2506A	136	Hung	7,4	Hung	7,5	7,5	9,4	8,3	
17	2124040038	Lê Trần	Tiến	02/01/2006	CCQ2404B	136	Tien	9,3		4,0	6,7	6,8	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2025-2026)

⑥

T. Mạnh

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

P.V. 6th

*Ng. Thanh
Thao*

Nguyễn Văn Mạnh

Phạm Văn Mạnh

HTM

P.V. 6th

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: *20*

Số bài thi: *20*

Số tờ giấy thi: *20*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: *20*

Số bài thi: *20*

Số tờ giấy thi: *20*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124120217	Lê Thị Bảo	Tin	03/01/2006	CCQ2412G	208	<i>2</i>	8,8	<i>2</i>	5,5	7,2	7,5	7,3	
19	2124310090	Phạm Xuân	Tinh	21/10/2006	CCQ2431C	359	<i>Phu</i>	8,7	<i>Phu</i>	3,0	5,9	6	5,9	
20	2124340007	Nguyễn Chi	Toàn	14/04/2006	CCQ2434A	482	<i>toàn</i>	6,8	<i>Toàn</i>	4,0	5,4	7,8	6,4	
21	2124210123	Phùng Lê Thu	Trâm	12/05/2006	CCQ2421D	136	<i>Phu</i>	6,5	<i>Phu</i>	6,0	6,3	6,1	6,2	
22	2124030158	Lê Thanh	Tri	22/03/2006	CCQ2403E	208	<i>TRI</i>	9,3	<i>TRI</i>	6,0	7,7	3,6	6,1	
23	2124210081	Lê Thanh	Tri	31/01/2006	CCQ2421C							0		
24	2124330083	Huỳnh Văn	Vinh	08/03/2006	CCQ2433B	379	<i>vinh</i>	6,7	<i>vinh</i>	5,7	6,2	6,6	6,4	Nợ học phí

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Đ: 42
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

Phan Thị Thu

Phan Thị Thu

Phạm Văn Mạnh

Nguyễn Thị Xuân Hồng P.P.H.S.

C. Hồng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2125350120	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	15/11/2007	CCQ2535C	359		9.0		7.4	8.2	8.9	8.5	
2	2124040110	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	16/04/2006	CCQ2404A	482		7.8		8.5	8.2	7.8	8.0	
3	2125330051	Nguyễn Hải	Đặng	30/12/2007	CCQ2533B	136		8.1		4.1	6.1	7.7	6.7	
4	2125150028	Nguyễn Ngọc	Danh	26/10/2007	CCQ2515A	208		7.4		3.1	5.3	8	6.4	
5	2124270105	Phạm Ngọc	Đạt	28/03/2006	CCQ2427C	359		8.0		4.3	6.2	8	6.9	
6	2124230025	Vũ Thành	Đạt	25/10/2005	CCQ2423A	482		7.4		4.3	5.9	8	6.7	
7	2125260102	Thái Tuấn	Dũng	07/10/2006	CCQ2526C	136		7.2		5.4	6.3	8.2	7.1	
8	2124030100	Nguyễn Văn Hiền	Dương	23/08/2006	CCQ2403C	208		7.5		8.7	8.1	7.8	8.0	
9	2125330038	Bùi Nguyễn Hoàng	Duy	07/06/2007	CCQ2533B	359		7.3		3.2	5.3	7.6	6.2	
10	2124120130	Nguyễn Thành	Duy	21/12/2006	CCQ2412D	1182		8.4		3.1	5.8	8.5	6.9	
11	2124100222	Trần Thị Ngọc	Hân	11/11/2006	CCQ2410A						0			Ấm thi
12	2125170304	Lê Hoàng Anh	Hào	04/02/2005	CCQ2517A	208		7.2		4.1	5.7	7.3	6.3	Nợ học phí
13	2124140127	Nguyễn Xuân	Hào	31/01/2006	CCQ2414A	136		9.1		7.5	8.3	8.9	8.5	
14	2125330010	Đoàn Minh	Hậu	21/05/2007	CCQ2533A	482		7.0		6.5	6.8	8.1	7.3	
15	2125040006	Phạm Phước	Hoàng	01/07/2007	CCQ2504A	359		7.6		6.6	7.1	7.9	7.4	
16	2124150007	Trần An Huy	Hoàng	31/10/2006	CCQ2415A	208		8.4		1.5	5.0	8.3	6.3	
17	2125030200	Nguyễn Phi	Hùng	13/02/2007	CCQ2503F	136		7.9		0.5	4.2	7.2	5.4	
18	2124150028	Trần Bá	Huy	22/09/2006	CCQ2415A	482		7.8		3.4	5.6	7.7	6.4	Nợ học phí
19	2125330008	Lê Hoàng	Kha	19/04/2007	CCQ2533A	136		8.0		4.7	6.4	7.5	6.8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 62

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2125330020	Nguyễn Tuấn	Khanh	12/04/2007	CCQ2533A	208		7.5		8.1	7.8	8.1	7.9	
21	2124270095	Vũ Trần Anh	Khôi	12/08/2003	CCQ2427C	482		8.5		5.2	6.9	8.9	7.7	
22	2125100029	Lương Công	Kiệt	28/12/2007	CCQ2510A	359		8.5		5.1	6.8	7.9	7.2	
23	2125330072	Nguyễn Thành	Long	18/03/2007	CCQ2533C	136		7.0		2.4	4.7	7.6	5.9	
24	2124140014	Tổng Nghĩa	Minh	09/07/2006	CCQ2414A									Nợ học phí
25	2125330056	Đào Hải	Nam	08/02/2004	CCQ2533B	136	Nam	7.8	Nam	8.6	8.2	8	8.1	
26	2124140085	Trịnh Thị Thảo	Nguyễn	27/06/2005	CCQ2414C	208		7.1		7.2	7.2	7.9	7.5	
27	2125180025	Võ Phạm Chí	Nguyễn	14/05/2007	CCQ2518A	359		7.8		3.1	5.5	7.6	6.3	
28	2125190082	Lê Lâm Trang	Như	06/06/2007	CCQ2519A	182	Như	6.3	Như	1.3	3.8	7.7	5.4	
29	2125060075	Nguyễn Văn	Phú	18/08/2007	CCQ2506C	136	Phú	8.2	Phú	6.5	7.4	7.2	7.3	Nợ học phí
30	2125120277	Nguyễn Như	Quỳnh	20/11/2007	CCQ2512H	208		8.1		7.2	7.7	8.6	8.1	
31	2124060095	Siu	Ron	19/10/2006	CCQ2406C	359	Ron	8.2	Ron	1.0	4.6	8.9	6.3	
32	2125210137	Cao Thái	Sang	12/08/2006	CCQ2521D	482		7.7		7.9	7.8	7.8	7.8	
33	2125030051	Lương Gia Bảo	Sang	13/07/2007	CCQ2503B									Nợ học phí
34	2124140027	Nguyễn Thanh	Sỹ	07/11/2006	CCQ2414A	359	Sỹ	6.5	Sỹ	4.0	5.3	7.6	6.2	Nợ học phí
35	2125170025	Nguyễn	Tài	24/08/2007	CCQ2517A	208	Tài	6.5	Tài	3.8	5.2	7.3	6.0	
36	2124310031	Võ Thanh	Tài	01/09/2006	CCQ2431A	136	Tài	6.8	Tài	2.7	4.8	8.1	6.1	
37	2125170024	Nguyễn	Tấn	24/08/2007	CCQ2517A	136	Tấn	7.3	Tấn	0.5	4.2	7.3	5.4	
38	2125040022	Huỳnh Minh	Thảo	12/08/2007	CCQ2504A									Nợ học phí

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh 1 (22460402)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D6-35

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
39	2124040023	Lê Đức	Thơ	11/07/2005	CCQ2404A	482	<i>[Signature]</i>	8.2	<i>[Signature]</i>	3,1	5.7	7.4	6.4	
40	2124030068	Huỳnh Văn	Thương	06/01/2006	CCQ2403B	359	<i>[Signature]</i>	7.1	<i>[Signature]</i>	3,2	5.2	8	6.3	
41	2125120175	Nguyễn Thụy Băng	Trâm	11/09/2006	CCQ2512E	208	<i>[Signature]</i>	7.0	<i>[Signature]</i>	1,0	4.0	8.9	6.0	
42	2124060122	Hồ Minh	Tri	21/08/2005	CCQ2406C	136	<i>[Signature]</i>	8.2	<i>[Signature]</i>	4,5	6.4	7.1	6.7	Nợ học phí 2
43	2125170039	Phan Thanh	Tròn	19/02/2007	CCQ2517A	482	<i>[Signature]</i>	6.9	<i>[Signature]</i>	3,2	5.1	7.8	6.2	
44	2125300145	Nguyễn Thanh	Trúc	05/08/2006	CCQ2530D								<i>Cấm thi</i>	Nợ học phí
45	2125140050	Nguyễn Đình	Tuân	24/06/2005	CCQ2514B						0		<i>Cấm thi</i>	
46	2125190081	Nguyễn Thị Cát	Tường	28/11/2007	CCQ2519B	359	<i>[Signature]</i>	7.3	<i>[Signature]</i>	1,0	4.2	7.9	5.7	Nợ học phí 2
47	2125040026	Huỳnh Quang	Vĩ	19/01/2004	CCQ2504A	208	<i>[Signature]</i>	8.4	<i>[Signature]</i>	4,9	6.7	8.1	7.2	Nợ học phí 2
48	2124310074	Huỳnh Kim	Xuyến	29/03/2006	CCQ2431C	482	<i>[Signature]</i>	7.7	<i>[Signature]</i>	00	3.9	7.2	5.2	

C. Hằng

[Signature]
Phạm Văn Mạnh

[Signature]
Nguyễn Thị Xuân Hồng

[Signature]
P.D. 2026

[Signature]

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

H: 01
Đ: 22

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Cường

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hoàng
Lộc

G Viên chấm thi 1

Môn Viết

Phạm Văn Mạnh

G Viên chấm thi 2

Môn Viết

Trần Thị Thảo

G Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Cai Minh Thảo

G Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Ng T. P. Linh

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123180029	Phạm Đức	Bảo	13/06/2005	CCQ2318A									Nợ học phí
2	2123170077	Phạm Quốc	Bảo	07/05/2005	CCQ2317C	2171	Phạm	5,2	Phạm	4,7	5,0	6,9	5,8	
3	2123050232	Mai Thái	Bình	02/10/2005	CCQ2305B	2168	mai	6,5	mai	8,1	7,3	8,2	7,7	
4	2123110543	Nguyễn Văn	Chính	30/09/2004	CCQ2311F	2171	Nguyễn	5,4	Nguyễn	4,2	4,8	7,2	5,8	
5	2123030150	Nguyễn Thành	Đạt	01/05/2005	CCQ2303E	2618	Nguyễn	5,4	Nguyễn	4,8	5,1	7,5	6,1	
6	2122270102	Vũ Bá	Đạt	22/05/2003	CCQ2227D	2171	Vũ	3,4	Vũ	6,7	5,1	7,4	6,0	
7	2123030007	Bùi Cao Nguyễn	Dữ	11/11/2004	CCQ2303A	2168	Bùi	5,5	Bùi	5,2	5,4	8,3	6,6	
8	2123000007	Nguyễn Thái	Duy	28/02/2005	CCQ2330A	2169	Nguyễn	5,4	Nguyễn	7,7	6,6	8	7,2	
9	2123170493	Nguyễn Lê Thanh	Hải	09/01/2005	CCQ2317E	2170	Nguyễn	6,6	Nguyễn	5,7	6,2	6,3	6,2	
10	2123120056	Đinh Thị Thuý	Hằng	23/12/2005	CCQ2312B	2169	Đinh	5,8	Đinh	6,7	6,3	5,1	5,8	
11	2123170191	Nguyễn Hải	Hung	25/02/2004	CCQ2317F	2170	Nguyễn	5,9	Nguyễn		3,0	3,9	3,4	
12	2123170204	Nguyễn Thanh	Huy	26/11/2005	CCQ2317F	2169	Nguyễn	4,5	Nguyễn	6,5	5,5	8,8	6,8	
13	2122030189	Trần Minh	Kết	25/10/2003	CCQ2203F	2170	Trần	5,7	Trần	4,0	4,9	6,5	5,5	
14	2123170478	Nguyễn Văn Trường	Khánh	29/12/2005	CCQ2317D	2169	Nguyễn	5,2	Nguyễn	3,5	4,4	6,7	5,3	
15	2123170172	Bùi Anh	Khoa	27/01/2005	CCQ2317E	2170	Bùi	5,3	Bùi	6,6	6,0	7,7	6,7	
16	2123110246	Hồ Văn	Khoa	07/03/2005	CCQ2311G	2170	Hồ	4,9	Hồ	4,4	4,7	6,7	5,5	Nợ học phí
17	2123170222	Phạm Minh	Khôi	11/04/2005	CCQ2317G	2169	Phạm	4,6	Phạm	4,4	4,5	7,6	5,7	
18	2123030121	Đương Thanh	Lộc	26/01/2005	CCQ2303D							3,2		
19	2123050078	Bùi Đình	Luật	29/10/2002	CCQ2305B	2170	Bùi	5,8	Bùi	7,3	6,6	7,3	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2025-2026)

C. Thảo

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Kiều

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Kiều
loan

G. Viên chấm thi 1

Phạm Văn Hùng

G. Viên chấm thi 2

Trần Thị Thuà

G. Viên chấm thi 1

Cai Minh Thảo

G. Viên chấm thi 2

Nguyễn T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170236	Lê Tấn	Lương	02/06/2005	CCQ2317G	2167	ly	7,5	ly	7,2	7,4	8,2	7,7	
21	2123120034	Dương Nguyệt	Minh	14/02/2005	CCQ2312A	2169	me	6,2	me	5,7	6,0	7,5	6,6	
22	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D	2171	chui	6,5	chui	5,0	5,8	7,8	6,6	Nợ học phí
23	2122260071	Nguyễn Võ Kiều	My	22/07/2004	CCQ2226C	2168	my	9,0	my	5,1	7,1	7,5	7,3	
24	2122120308	Cao Văn Hoài	Nam	12/11/2001	CCQ2212J	2171	huai	3,9	huai	6,8	5,4	8,4	6,6	
25	2123170495	Nguyễn Duy	Nam	03/03/2005	CCQ2317E	2168	clan	5,7	clan	7,0	6,4	6,3	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B102

H: 03

D: 21

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

C. Thảo

Phạm Văn Mạnh

Trần Thị Thảo

Coi Minh Thien

Ng T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm H.P	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122200063	Huỳnh Thị Quỳnh	Nga	22/12/2004	CCQ2220B									Nợ học phí
2	2123220059	Trần Thái	Nguyên	11/11/2005	CCQ2322B	2171	Pho	5,4	Pho	8,2	6,8	9,2	7,8	
3	2123260058	Lê Dương Ngọc	Nhung	26/04/2005	CCQ2326B	2168	Pho	6,8	Pho	7,1	7,0	9	7,8	
4	2123170300	Trần Duy	Nhut	30/05/2005	CCQ2317I	2169	Pho	6,2	Pho	4,7	5,5	7,5	6,3	
5	2123030161	Huỳnh Mạnh	Quân	09/12/2005	CCQ2303E	2170	Quân	4,9	Quân	4,4	4,7	7,1	5,7	
6	2123170468	Thái Nguyễn Anh	Quân	02/04/2005	CCQ2317D	2171	Quân	6,0	Quân	4,5	5,3	7,6	6,2	
7	2123120100	Võ Thị Ngọc	Quý	14/08/2005	CCQ2312B	2168	Pho	6,4	Pho	6,6	6,5	6,9	6,7	
8	2123030176	Lê Công	Quyển	14/08/2005	CCQ2303E	2171	Quyển	5,5	Quyển	4,5	5,0	8,6	6,4	
9	2123270129	Đỗ Trọng	Tài	05/04/2004	CCQ2327D	2170	Tài	4,0	Tài	5,3	4,7	7,2	5,7	
10	2123260109	Nguyễn Đức	Tài	20/10/2005	CCQ2326D	2169	Tài	3,9	Tài	6,4	5,2	7	5,9	
11	2123170369	Nguyễn Đình	Thành	21/07/2005	CCQ2317K	2168	thành	4,2	thành	3,5	3,9	6,3	4,9	
12	2123040019	Võ Trường	Thành	03/06/2005	CCQ2304A	2171	Pho	5,9	Pho	4,2	5,1	6,4	5,6	
13	2123040013	Nguyễn Văn	Thông	10/09/2005	CCQ2304A	2170	Thông	6,2	Thông	4,7	5,5	5,9	5,7	
14	2123260195	Trần Thuý	Tiến	25/10/2005	CCQ2326E	2169	Pho	8,4	Pho	8,1	8,3	9,5	8,8	
15	2123170431	Thần Mạnh	Tiến	10/02/2005	CCQ2317A	2168	Pho	4,0	Pho	4,0	4,0	7,2	5,3	
16	2123030054	Phan Đình	Tiến	22/07/2005	CCQ2303B	2169	Pho	2,9	Pho	4,9	3,9	7,7	5,4	
17	2123260036	Huỳnh Thụy Thuý	Trang	27/08/2005	CCQ2326A	2170	Trang	5,5	Trang	5,5	5,5	8,9	6,9	
18	2123130082	Nguyễn Thị Thụy	Trang	20/04/2005	CCQ2313C	2171	Trang	6,2	Trang	7,9	7,1	9,2	7,9	
19	2123040053	Thần Văn	Tri	12/03/2005	CCQ2304B	2168	Tri	6,9	Tri	5,4	6,2	7,7	6,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Môn học: Anh văn 2 (22400401)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 24

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1

Môn Viết

G Viên chấm thi 2

Môn Viết

G Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123310053	Võ Quốc	Trường	26/11/2005	CCQ2331A	21769	Trường	9,0	Trường	5,6	7,3	6,8	7,1	
21	2123180048	Nguyễn Minh	Tường	20/06/2005	CCQ2318B	2170	Nguyễn Minh	8,5	Nguyễn Minh	6,5	7,5	7,5	7,5	
22	2123030255	Lê Quốc	Việt	14/04/2004	CCQ2303B	2171	Lê Quốc	4,0	Lê Quốc	4,3	4,2	7,4	5,5	
23	2123030072	Hà Văn	Vinh	04/05/2005	CCQ2303B	2168	Vinh	4,7	Vinh	3,0	3,9	6,2	4,8	
24	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	2169	Vũ	5,3	Vũ	7,1	6,2	8,4	7,1	Nợ học phí
25	2123040067	Tô Ngọc	Vũ	18/08/2005	CCQ2304B	2170	Tô Ngọc	3,8	Tô Ngọc	5,4	4,6	5,4	4,9	Nợ học phí

9
C. Thảo

Mai Văn

Nguyễn Văn

Phạm Văn Mạnh

Trần Thị Thu

Có Minh

ph

Ng T.P. Linh

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Đ: 24
H: 03

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460501)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-36

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm H/P	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124270096	Phạm Thị Ngọc	An	17/04/2006	CCQ2427C	132	<i>Phạm Thị Ngọc</i>	6,5	<i>Phạm Thị Ngọc</i>	8,0	7,3	7,3	7,3	
2	2124210155	Nguyễn Thị Lam	Anh	22/01/2006	CCQ2421A	357	<i>Nguyễn Thị Lam</i>	5,8	<i>Nguyễn Thị Lam</i>	7,5	6,7	8,3	7,3	
3	2124300161	Đỗ Lê Ngọc	Ánh	17/06/2006	CCQ2430E	357	<i>Đỗ Lê Ngọc</i>	5,0	<i>Đỗ Lê Ngọc</i>	7,0	6,0	7,8	6,7	
4	2124120174	Mai Hùng	Cường	22/01/2004	CCQ2412E	195	<i>Mai Hùng</i>	3,2	<i>Mai Hùng</i>	4,0	3,6	8,1	5,4	Nợ học phí
5	2124030138	Trần Quang	Được	01/06/2006	CCQ2403D	3								Nợ học phí
6	2124120257	Phạm Thị Hồng	Duyên	10/11/2006	CCQ2412E	357	<i>Phạm Thị Hồng</i>	4,1	<i>Phạm Thị Hồng</i>	6,0	5,1	7,2	5,9	
7	2124210118	Đào Thị Ngọc	Giang	26/08/2006	CCQ2421D	209	<i>Đào Thị Ngọc</i>	4,3	<i>Đào Thị Ngọc</i>	7,6	6,0	7,4	6,6	
8	2125170236	Nguyễn Quang	Hải	12/04/2007	CCQ2517G									Nợ học phí
9	2125340025	Phan Thanh	Hải	13/09/2007	CCQ2534A									Nợ học phí
10	2124210137	Nguyễn Thị Thuý	Hạnh	08/07/2006	CCQ2421D	132	<i>Nguyễn Thị Thuý</i>	5,7	<i>Nguyễn Thị Thuý</i>	7,2	6,5	6,5	6,5	
11	2124030016	Đinh Quang	Hậu	26/10/2006	CCQ2403A							0		
12	2124120135	Nguyễn Trọng	Hòa	05/07/2006	CCQ2412D	209	<i>Nguyễn Trọng</i>	5,1	<i>Nguyễn Trọng</i>	7,8	6,5	7,4	6,9	
13	2124140040	Lê Văn	Khánh	21/01/2006	CCQ2414B	132	<i>Lê Văn</i>	3,6	<i>Lê Văn</i>	6,7	5,2	6,7	5,8	
14	2125150048	Hoàng Diên	Khoa	22/02/2007	CCQ2515B									Nợ học phí
15	2125110248	Nguyễn Ngọc Gia	Long	10/10/2006	CCQ2511E									Nợ học phí
16	2124290014	Hoàng Cao Trúc	Mai	30/06/2006	CCQ2429A	485	<i>Hoàng Cao Trúc</i>	2,1	<i>Hoàng Cao Trúc</i>	7,2	4,7	4,6	4,7	
17	2124310059	Vô Tuấn	Minh	23/01/2006	CCQ2431B									Nợ học phí
18	2124120220	Ngô Thị Thủy	Ngân	04/08/2006	CCQ2412G	337	<i>Ngô Thị Thủy</i>	3,6	<i>Ngô Thị Thủy</i>	1,8	1,8	5,8	0	
19	2124290004	Vân Thị Ngọc	Ngân	04/07/2006	CCQ2429A	209	<i>Vân Thị Ngọc</i>	4,7	<i>Vân Thị Ngọc</i>	6,5	5,6	4,1	5,0	Nợ học phí
20	2124320115	Nguyễn Đoàn Hiếu	Nghĩa	15/04/2005	CCQ2432B	209	<i>Nguyễn Đoàn Hiếu</i>	3,8	<i>Nguyễn Đoàn Hiếu</i>	7,2	5,5	7,2	6,2	
21	2124070017	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	04/07/2006	CCQ2407A	132	<i>Nguyễn Huỳnh Bảo</i>	4,6	<i>Nguyễn Huỳnh Bảo</i>	7,6	6,1	8,1	6,9	

12/08/2026

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2025-2026)

T. Mạnh

10

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460501)

- Thi Viết:

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 30/27

Số bài thi: 30/27

Số tờ giấy thi: 30/27

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/08/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1
Môn Viết

G Viên chấm thi 2
Môn Viết

G Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
22	2125210038	Dăng Thị Hanh	Nguyễn	07/02/2007	CCQ2521B	185	Nguyễn	2,9	Nguyễn	6,0	4,5	6	5,1	
23	2124060131	Trần Duy	Nhân	02/10/2006	CCQ2406B									Nợ học phí
24	2124210031	Hồ Huỳnh Tâm	Như	20/07/2006	CCQ2421A	185		2,9		5,0	4,0	6,3	4,9	
25	2124320052	Điền Trần Ni	Ni	15/09/2006	CCQ2432B	357	Ni	5,3	Ni	7,0	6,2	7,8	6,8	Nợ học phí
26	2124350121	Nguyễn Đăng	Quang	23/10/2004	CCQ2435C									Nợ học phí
27	2124120169	Nguyễn Quốc	Quý	09/10/2006	CCQ2412E	357	Quốc	5,1	Quốc	6,0	5,6	4,8	5,3	
28	2124330081	Nguyễn Hải	Quốc	15/10/2006	CCQ2433B	132	Quốc	4,4	Quốc	4,5	4,5	6,5	5,3	
29	2124330088	Trần Văn	Quý	02/08/2006	CCQ2433B	209	Như	6,9	Như	7,3	7,1	8,4	7,6	
30	2125060052	Nguyễn Trường	Sang	14/05/2007	CCQ2506B	485	Sang	9,0	Sang	4,7	6,9	6,1	6,6	Nợ học phí
31	2125030033	Nguyễn Tấn	Tài	24/06/2007	CCQ2503A	209	Tài	8,7	Tài	7,9	8,3	6,4	7,5	
32	2125210061	Trần Võ Anh	Thư	03/02/2007	CCQ2521B									Nợ học phí
33	2124300045	Nguyễn Hữu	Thuận	22/10/2006	CCQ2430B							0		
34	2124260120	Nguyễn Ngọc Phương	Thùy	22/04/2006	CCQ2426D							0		
35	2125120019	Huỳnh Phúc	Toàn	28/11/2007	CCQ2512A	132	Toàn	4,4	Toàn	6,5	5,5	7,2	6,2	
36	2125260118	Bùi Trọng	Tri	26/03/2006	CCQ2526A									Nợ học phí
37	2125140160	Lê Văn	Trung	08/04/2007	CCQ2514D		Khách					0		
38	2124030015	Nguyễn Văn	Vinh	19/12/2006	CCQ2403A	485	Vinh	3,2	Vinh	8,3	5,8	9,2	7,2	
39	2124120167	Lê Thị Yến	Vy	31/03/2005	CCQ2412E	357	Vy	5,3	Vy	5,0	5,2	7	5,9	
40	2125120116	Vũ Thị Tường	Vy	05/05/2007	CCQ2512D	132	Tường Vy	4,1	Tường Vy	5,0	4,6	7,1	5,6	
41	2124120131	Bùi Trương Như	Yến	29/10/2006	CCQ2412D	485	Như	5,6	Như	6,5	6,1	6,7	6,3	Nợ học phí

LỊCH THI VÀ DANH SÁCH SINH VIÊN THI BỔ SUNG
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025 - 2026

Đ: 02
H: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Nguyễn Minh Đức
Thào Thị Thanh Hà

Trần Thị Thào

Phạm Văn Huệ

Phạm Văn Huệ

Trần Thị Thào

Môn: Tiếng Anh 2

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/08/2026

Số SV có mặt: 2

Ngày thi: 25/08/2026

Số SV có mặt: 1

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 2

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 1

Phòng thi: D6-36

Số tờ giấy thi: 2

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2125330188	Nguyễn Ngọc	Tài	21/11/2007	22460547	357	Trần	7,0	Đã thi 14h45, 22/7/2026	6,8	6,9	9,0	7,7	Lớp C.Hương
2	2125140202	Bùi Thế	Tâm	14/01/2007	22460502	209	Trần	5,0	Đã thi 14h45, 21/7/2026	6,9	6,0	6,6	6,2	Lớp C.Thào
3	2125030032	Bạch Minh	Khôi	02/09/2007	22460528	485	Khôi	2,9	Khôi	3,2	3,1	7,4	4,8	Lớp C.Vân

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Đ: 32
H: 00

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh cơ bản (22410301)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123170092	Nguyễn Lê Quốc An	26/11/2005	CCQ2317C	2172	<i>[Signature]</i>	8,2	4,0	5,7	HP
2	2125210020	Bùi Ngọc Mỹ	07/08/2007	CCQ2521A	2173	<i>[Signature]</i>	9,3	6,8	7,8	
3	2125210039	Ngô Công Quốc	31/01/2007	CCQ2521B	2174	<i>[Signature]</i>	9,2	5,1	8,7	
4	2122110381	Phan Tuấn	17/10/2004	CCQ2211J	2175	<i>[Signature]</i>	7,7	5,0	6,1	
5	2123030047	Lê Văn	07/08/2005	CCQ2303B	2172	<i>[Signature]</i>	8,9	4,1	6,0	
6	2123170328	Nguyễn Duy	09/06/2005	CCQ2317J	2173	<i>[Signature]</i>	9,7	4,5	6,6	
7	2123170046	Nguyễn Công	19/04/2005	CCQ2317B	2174	<i>[Signature]</i>	6,6	4,2	5,2	
8	2123050142	Đỗ Thanh	22/06/2005	CCQ2305D	2175	<i>[Signature]</i>	8,0	6,4	7,0	
9	2123110019	Trần Thị Minh	13/05/2004	CCQ2311A	2172	<i>[Signature]</i>	7,7	5,4	6,3	HP
10	2123050084	Lê Văn	10/11/1997	CCQ2305B	2173	<i>[Signature]</i>	7,8	6,2	6,8	
11	2123100293	Đặng Đông	17/06/2005	CCQ2310H	2174	<i>[Signature]</i>	9,7	7,4	8,3	
12	2123110035	Châu Thành	25/10/2005	CCQ2311A	2175	<i>[Signature]</i>	6,7	6,5	6,6	
13	2123170158	Lê Khả	29/08/2005	CCQ2317E	2172	<i>[Signature]</i>	9,6	5,6	7,2	
14	2123170174	Nguyễn Công	25/11/2005	CCQ2317E	2173	<i>[Signature]</i>	8,8	5,4	6,8	
15	2122220025	Nguyễn Quốc	28/01/2004	CCQ2222A	2174	<i>[Signature]</i>	8,6	2,6	5,0	
16	2125300261	Tô Quốc	07/02/2007	CCQ2530G	2175	<i>[Signature]</i>	9,4	5,4	7,0	HP
17	2123110121	Nguyễn Thanh	16/07/2005	CCQ2305E	2172	<i>[Signature]</i>	9,9	5,2	7,1	
18	2123170540	Phạm Đăng	17/10/2005	CCQ2317G	2173	<i>[Signature]</i>	9,4	4,8	6,6	HP
19	2123170569	Phạm Phúc	26/12/2005	CCQ2317H	2174	<i>[Signature]</i>	10,0	5,0	7,0	
20	2125340044	Trần Khánh	14/02/2007	CCQ2534B						HP
21	2125300051	Hồ Thị Hương	18/03/2007	CCQ2530B	2172	<i>[Signature]</i>	9,3	3,8	6,0	HP
22	2122170664	Bùi Thanh	24/09/2004	CCQ2217Q	2173	<i>[Signature]</i>	6,0	8,2	7,3	
23	2123150050	Phạm Ngọc	14/03/2005	CCQ2315B	2174	<i>[Signature]</i>	10,0	4,6	6,8	
24	2123170488	Thái Thanh	07/08/2005	CCQ2317D	2175	<i>[Signature]</i>	7,9	6,1	6,8	
25	2123170156	Võ Văn	15/09/2005	CCQ2317E						HP
26	2123220039	Phạm Văn	09/09/2005	CCQ2322B	2173	<i>[Signature]</i>	8,8	5,2	6,6	
27	2125340013	Lê Quốc	30/01/2007	CCQ2534A			0,1			
28	2125300004	Hoàng Thúy	28/06/2007	CCQ2530A	2175	<i>[Signature]</i>	9,2	4,6	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh cơ bản (22410301)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170176	Phan Thiên Kim	12/07/2004	CCQ2217E	2172	Kim	8,1	5,7	6,7	
30	2123260144	Trần Thị Mỹ Linh	20/10/2004	CCQ2326E	2173	Linh	8,0	9,2	8,7	
31	2125210094	Lê Thị Cẩm Lụa	25/11/2007	CCQ2521C						HP
32	2122110479	Nguyễn Thái Duy	30/05/2004	CCQ2211L	2175	Duy	8,8	4,9	6,5	
33	2123170538	Vũ Quang	24/12/2005	CCQ2317G	2172	Quang	8,3	7,8	8,0	
34	2123040043	Nguyễn Văn Nghĩa	10/10/2005	CCQ2304B	2173	Nghĩa	7,9	4,9	6,1	
35	2125300046	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	07/12/2007	CCQ2530B	2174	Nhi	9,2	5,9	7,2	
36	2125210104	Lê Ánh Như	26/07/2007	CCQ2521C	2175	Như	8,9	6,8	7,6	

12

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Đ: 33
H: 02

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Giám chấm thi 1 Giám chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh cơ bản (22410301)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2124150061	Nguyễn Jên Ni	23/10/2006	CCQ2415B	2173	Jen	9,0	6,2	7,3	HP
2	2125310091	Võ Thị Hồng	15/09/2007	CCQ2531C	2174	Hồng	9,1	3,6	5,8	
3	2122260029	Hồ Minh	21/12/2003	CCQ2226A	2173	Minh	8,5	4,2	5,9	
4	2125060118	Huỳnh Tấn	21/05/2007	CCQ2506B	2174	Tấn	9,2	3,6	5,8	
5	2123170625	Huỳnh Ngọc	18/01/2005	CCQ2317J	2173	Ngọc	7,9	3,4	5,2	
6	2125030077	Tô Đình	01/01/2007	CCQ2503C	2174	Đình	7,3	4,8	5,8	
7	2122190020	Hồ Hà Duy	08/09/2004	CCQ2219A	2173	Duy	7,7	4,8	6,0	
8	2123030259	Nông Ngọc	06/03/2005	CCQ2303G	2172	Ngọc	6,7	3,3	4,7	
9	2125210093	Lê Trúc	25/10/2007	CCQ2521C						HP
10	2125340017	Huỳnh Tấn	23/12/2007	CCQ2534A	2172	Tấn	8,0	4,2	5,7	
11	2123170051	Ab Dol Ko	29/07/2005	CCQ2317B	2175	Ko	6,8	4,4	5,4	
12	2125340014	Nguyễn Quốc	22/02/2007	CCQ2534A	2172	Quốc	8,4	4,9	6,3	
13	2125120054	Tăng Thị Bé	03/04/2007	CCQ2512B	2175	Bé	8,8	4,5	6,2	HP
14	2124140077	Lưu Nhật	30/10/2006	CCQ2414C	2172	Ngày	8,8	2,4	5,0	HP
15	2123170466	Nguyễn Bá	13/12/2005	CCQ2317C	2174	Bá	6,2	4,7	5,3	
16	2123170462	Dương Văn	17/04/2004	CCQ2317C	2174	Văn	7,0	3,9	5,1	
17	2123100116	Trương Thị Mỹ	03/12/2005	CCQ2310D	2175	Mỹ	8,0	4,4	5,8	
18	2123170415	Nguyễn Minh	04/11/2005	CCQ2317L	2174	Minh	8,6	4,8	6,3	
19	2124140098	Mai Cường	19/02/2006	CCQ2414C	2175	Cường	7,8	4,6	5,9	HP
20	2123030040	Bùi Ngọc	28/08/2004	CCQ2303B	2174	Ngọc	8,0	4,7	6,0	
21	2123030046	Nguyễn Bảo	27/08/2005	CCQ2303B	2175	Bảo	7,5	3,0	4,8	
22	2123170467	Phan Quốc	21/09/2005	CCQ2317C	2172	Quốc	8,0	4,4	5,8	
23	2124310140	Tào Quang	01/04/2005	CCQ2431D	2172	Quang	7,5	5,2	6,1	
24	2124150040	Nguyễn Đức	05/07/2006	CCQ2415B	2173	Đức	9,2	6,5	7,6	
25	2123170098	Phan Hữu	17/04/2005	CCQ2317C	2173	Hữu	8,7	3,7	5,7	
26	2123170496	Nguyễn Quang	12/12/2005	CCQ2317E	2172	Quang	9,3	5,4	7,0	
27	2123030151	Trần Anh	14/02/2005	CCQ2303E	2173	Anh	7,4	3,8	5,2	
28	2123040075	Trần Văn	19/09/2004	CCQ2304B	2172	Văn	4,9	5,4	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Môn học: Tiếng Anh cơ bản (22410301)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 GV chấm thi 1 GV chấm thi 2

(Signatures and stamps of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123170474	Nguyễn Chanh Uôn	26/09/2005	CCQ2317D	2175	Uôn	8,8	6,1	7,2	
30	2124030072	Đỗ Nguyễn Tường Văn	03/07/2006	CCQ2403C	2174	Văn	9,7	4,8	6,8	
31	2125260199	Nguyễn Tường Vi	09/09/2007	CCQ2526A	2173	Vi	7,8	3,2	5,0	
32	2123170533	Nguyễn Trung Việt	11/10/2005	CCQ2317G	2172	Việt	8,7	4,8	6,4	
33	2123030251	Đỗ Quốc Vin	26/08/2005	CCQ2303G	2175	Vin	8,5	5,0	6,4	
34	2124300073	Đỗ Anh Vũ	27/06/2006	CCQ2430C	2174	Vũ	9,7	5,4	7,1	
35	2123110474	Nguyễn Anh Vũ	21/09/2005	CCQ2311L	2173	Vũ	10,0	7,4	8,4	
36	2123100109	Phạm Thị Như Yến	12/08/2005	CCQ2310D	2175	Yến	8,5	3,8	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Đ: 23

H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh cơ bản (22410302)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123030163	Trần Văn An	20/08/2005	CCQ2303E	2172	An	8,0	5.5	6.5	
2	2124330012	Dương Hữu Bảo	22/09/2004	CCQ2433A						HP
3	2123170152	Lê Cương	06/11/2005	CCQ2317E	2175	Cương	8,1	7.0	7.4	
4	2125330075	Nguyễn Hoàng Anh Đức	23/04/2007	CCQ2533C						HP
5	2125270187	Bùi Thanh Dương	27/01/2007	CCQ2527B	2175	Dương	6.9	7.8	7.4	HP
6	2123150043	Huỳnh Quốc Duy	11/09/2003	CCQ2315B	2173	Duy	8.1	6.2	7.0	HP
7	2123110479	Hoàng Xuân Hải	09/10/2003	CCQ2311M	2176	Hải	7,5	7.4	7.4	
8	2122050120	Phạm Thanh Hải	25/01/2004	CCQ2205A	2172	Hải	8.0	5.6	6.6	HP
9	2123110252	Văn Thị Ngọc Hằng	18/03/2005	CCQ2311H	2173	Hằng	8,0	5.8	6.7	
10	2123110059	Trần Ngọc Hiệp	02/09/2004	CCQ2311B	2174	Hiệp	8,0	5.9	6.7	
11	2124150011	Lê Minh Hiếu	21/12/2006	CCQ2415A	2173	Hiếu	8,2	6.7	7.3	
12	2122210144	Nguyễn Lê Hoa	15/09/2004	CCQ2221D	2174	Hoa	8,5	6.2	7.1	
13	2122170543	Ngô Vũ Hưng	24/04/2004	CCQ2217N	2174	Hưng	8,0	7.1	7.5	
14	2123220003	Phạm Quốc Huy	14/05/2005	CCQ2322A	2172	Huy	8,6	9.1	8.9	
15	2124150028	Trần Bá Huy	22/09/2006	CCQ2415A	2173	Huy	7.0	8.1	7.7	HP
16	2123030089	Trần Mai Khải	15/12/2005	CCQ2303C	2175	Khải	7,0	5.2	5.9	
17	2125030085	Nguyễn Đức Khanh	09/07/2007	CCQ2503C	2172	Khanh	8,1	5.2	6.4	
18	2125210097	Nguyễn Tuấn Khôi	11/06/2007	CCQ2521C	2173	Khôi	7.5	4.8	5.9	HP
19	2125340008	Hồ Minh Long	07/05/2006	CCQ2534A	2175	Long	7,2	8.5	8.0	
20	2123050138	Phạm Nguyễn Công Luận	30/01/2005	CCQ2305C	2173	Luân	7,0	8.2	7.7	
21	2123170001	Trần Phú Mạnh	06/10/2002	CCQ2317A	2172	Mạnh	8,1	6.4	7.1	
22	2124190078	Cao Thị Thảo Nguyên	15/02/2006	CCQ2419C	2172	Thảo	8,8	8.0	8.3	
23	2123050141	Vũ Xuân Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D	2172	Nguyên	7,0	6.7	6.8	
24	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	2175	Nhật	7,2	6.9	7.0	
25	2124210153	Võ Thanh Quỳnh Như	01/06/2006	CCQ2421A	2174	Như	7.0	5.9	6.3	HP

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2025-2026)

Đ: 21
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh cơ bản (22410302)

Ngày thi: 24/08/2026

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 21...

Số bài thi: ...21...

Số tờ giấy thi: 21...

C. Hồng
Minh Tuấn
Nguyễn Thị Tuấn Hồng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123170610	Nguyễn Hữu Nhật	02/07/2005	CCQ2317L	2173		7,8	5.3	6.3	
2	2123050126	Nguyễn Đình Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	2174		6,1	5.8	5.9	
3	2123050129	Bùi Văn Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	2175		6,0	7.0	6.6	
4	2123050227	Báo Tuấn Phương	25/10/2005	CCQ2305E				Cấm thi		HP
5	2124300019	Trần Nguyễn Uyên	03/10/2006	CCQ2430A	2173		7,7	5.1	6.1	
6	2122050049	Dặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B	2174		7,4	8.1	7.8	HP
7	2123120276	Trần Đăng Quang	16/06/2004	CCQ2312E	2175		7,4	6.8	7.0	
8	2125170043	Thiếu Vĩnh Tân	18/11/2007	CCQ2517B						HP
9	2124060042	Võ Văn Thắng	13/11/2005	CCQ2406B	2173		7,4	5.0	6.0	
10	2124120243	Nguyễn Bá Thành	24/08/2004	CCQ2412G	2174		8,5	6.7	7.4	
11	2125300139	Nguyễn Trường Thành	27/09/2007	CCQ2530D				Cấm thi		HP
12	2123110300	Phan Văn Thành	02/05/2005	CCQ2311I	2172		8,2	4.9	6.2	
13	2123200339	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/05/2005	CCQ2320D	2173		7,4	6.1	6.6	
14	2124190098	Nguyễn Trí Thập	07/05/2006	CCQ2419C	2174		7,1	6.7	6.9	
15	2123150085	Trần Quốc Thịnh	21/02/2005	CCQ2315B	2175		8,6	8.7	8.7	
16	2125140063	Phạm Trung Tín	02/12/2006	CCQ2514B			6,9			
17	2123170143	Ngô Quang Tinh	17/04/2005	CCQ2317E	2173		8,8	6.6	7.5	
18	2123050056	Nguyễn Công Trí	28/06/2005	CCQ2305B	2174		7,4	4.8	5.8	
19	2123040053	Thân Văn Trí	12/03/2005	CCQ2304B	2175		7,9	5.7	6.6	
20	2124210063	Vũ Minh Triệu	17/04/2006	CCQ2421B	2172		9,2	5.3	6.9	
21	2123170041	Hồ Hoàng Trọng	09/07/2005	CCQ2317B	2173		7,9	5.4	6.4	
22	2123290012	Phạm Thị Thanh Trúc	03/11/2005	CCQ2329A	2174		8,0	6.6	7.2	
23	2123050081	Tô Quốc Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B	2175		7,2	5.1	5.9	
24	2124120105	Lý Phúc Việt	10/08/2006	CCQ2412C	2172		7,7	5.1	6.1	
25	2123040070	Lộ Phú Vinh	29/11/2005	CCQ2304B				Cấm thi		HP
26	2124060128	Lý Kỳ Vy	19/08/2003	CCQ2406C	2174		7,8	6.2	6.8	